TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 670/2019/HS-PT
Ngày: 30/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ức Minh Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 215/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Trần Tiến Đ. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2018/HS-ST ngày 21-3-2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị cáo có kháng cáo*: **Trần Tiến Đ**, sinh năm 1998; nơi đăng ký HKTT: đường Q, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Kim Ng; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; Theo Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2018, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hồ Hoài Nh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Tiến Đ, (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án này còn có bị cáo Trần Đức Ph và Lâm Chí Ngh nhưng không có kháng cáo, kháng nghị liên quan nên không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 30 phút ngày 17/01/2018, tại trước nhà số 81, đường số 4, khu phố 9, phường B, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an quận B1 bắt quả tang Lâm Chí Ngh đang cất giấu trái phép chất ma túy để bán cho người khác và thu giữ trong giỏ gắn phía trước xe gắn máy biển số 51K1-5351 do Ngh điều khiển gồm là 02 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 19,8341g, loại Methamphetamine). Ngh khai nhận số ma túy trên là của Trần Đức Ph đưa cho Ngh đi bán cho người mua và nhận tiền về cho Ph.

Tiếp sau đó vào lúc 23 giờ 10 phút cùng ngày 17/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B1 khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Đức Ph tại phòng trọ số 17, nhà số 35 N, Phường 13, quận T, thu giữ vật chứng là 32 gói nylon chứa tinh thể không màu trong hộp giấy để trên bàn trong phòng (qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 84,5702g, loại Methamphetamine). Trong khi khám xét nơi ở của Ph, cơ quan công an phát hiện Trần Tiến Đ là đối tượng liên quan đang ở trong phòng cùng Ph nên tiến hành làm việc với Đ. Đ khai nhận số ma túy bị thu giữ là của Đ mua về cất giấu tại đây để bán lại.

Quá trình điều tra, Trần Đức Ph, Trần Tiến Đ và Lâm Chí Ngh đã khai nhận như sau:

Trần Đức Ph khai nhận: Ph bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 7/2017, nguồn ma túy do Ph mua của một người tên N (không rõ lai lịch), trung bình khoảng 03 tuần Ph mua của N khoảng 10g ma túy giá 5.400.000 đồng rồi mang về chỗ ở chia nhỏ ra bán cho người khác. Và khi có người điện thoại hỏi mua ma túy, thì Ph thỏa thuận giá cả, hẹn địa điểm giao dịch rồi tự đi giao hoặc đưa ma túy cho Trần Tiến Đ, Lâm Chí Ngh đi giao cho khách. Sau khi bán hết 10g ma túy, Ph thu lợi khoảng 600.000 đồng, Ph trả công cho Ngh bằng ma túy để sử dụng.

Vào sáng ngày 17/01/2018, người phụ nữ tên Ph1 (không rõ lai lịch) điện thoại cho Ph đặt mua 20g ma túy đá với giá 11.000.000 đồng, hẹn địa điểm giao dịch tại khách sạn P (địa chỉ: đường số 4, phường B, quận B1), nên Ph điện thoại cho N mang 20g ma túy đến nơi ở của Ph bán với giá 10.800.000 đồng (Ph chưa trả tiền cho N). Sau đó Ph đưa số ma túy này cho Lâm Chí Ngh đi giao cho Ph1 thì bị bắt quả tang như đã nêu trên. Về 32 gói ma túy mà công an thu giữ khi khám xét chỗ ở của Ph thì Ph khai số ma túy này là của Ph và của Trần Tiến Đ (do Ph bảo lãnh cho Đ mua ma túy của N) để bán cho người khác.

Trần Tiến Đ khai nhận: trước đây đã 02 lần phụ giúp Ph đi bán ma túy cho người khác, mỗi lần 01 gói giá 200.000 đồng. Do muốn tự bán ma túy kiếm tiền tiêu xài nên ngày 13/01/2018, Đ nhờ Ph điện thoại cho N, bảo lãnh để Đ mua của N 100g ma túy với giá 54.000.000 đồng. Sau đó Đ đến điểm hẹn ở khu vực đường P1, quận T đưa cho N 10.000.000 đồng, hẹn khi nào bán xong ma túy sẽ trả hết tiền còn lại cho N. N đồng ý giao cho Đ 01 gói khoảng 80g ma túy, 20g còn thiếu sẽ giao sau. Đ mang về chỗ ở của Ph đưa cho Ph cất giữ chung tại nơi mà Ph giấu ma túy. Ngày 17/01/2018, N đến chỗ ở của Ph, giao tiếp 30 gói ma túy đá (tương đương 20g còn thiếu). Đ điện thoại cho Ph nói Ph cất giữ 30 gói

ma túy trên cùng với số ma túy của Ph và Đ đã để trước đây. Đ đã lấy ma túy ra bán cho người khác 02 lần, mỗi lần 01 gói giá 200.000 đồng. Lúc 23 giờ 10 phút ngày 17/01/2018, Cơ quan Công an khám xét, thu giữ 32 gói ma túy của Ph và Đ như đã nêu trên.

Lâm Chí Ngh khai nhận: vào ngày 10/01/2018, Ph đưa cho Ngh 01 gói ma túy đi giao cho tên T (không rõ lai lịch) tại quận B1 và cầm số tiền 200.000 đồng của T về cho Ph rồi Ph cho Ngh ma túy để sử dụng. Đến ngày 17/01/2018, Ph điện thoại cho Ngh đến nơi ở của Ph, Ph đưa cho Ngh 02 gói ma túy để đi giao cho Ph1 tại khu vực quận B1 và nói Ngh lấy 11.000.000 đồng mang về cho Ph. Ngh bỏ 02 gói ma túy vào khẩu trang y tế, giấu vào 01 túi nylon để trên giỏ xe gắn máy biển số 51K1-5351 do Ngh điều khiển. Trên đường đi bán ma túy cho Ph1, đến trước số nhà 81 đường số 4, phường B, quận B1 thì bị công an bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2019/HS – ST ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với Trần Tiến Đ);

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Trần Tiến Đ, phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Trần Tiến Đ 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2018 (20/1/2018).

Xử phạt bổ sung: Buộc Trần Tiến Đ phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 01/4/2019 bị cáo Trần Tiến Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án 15 năm tù giam là nặng so với hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Đ: Luật sư thống nhất về tội danh, điều, khoản áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo có thái độ khai báo, ăn năn hối cải; số ma túy liên quan đến bị cáo đã bị công an thu giữ, chưa bị phát tán ra ngoài xã hội, bị cáo cũng chưa thu lợi bất chính, hoàn cảnh gia đình bị cáo cũng rất khó khăn và bản thân bị cáo có nhân thân tốt để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong hạn luật định bị cáo Trần Tiến Đ có đơn kháng cáo nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Tiến Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như bản án sơ thẩm đã quy kết, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

[2]Xét kháng cáo của bị cáo Trần Tiến Đ:

Từ lời khai nhận tội của bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm và các biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét và thu giữ vật chứng; lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án; các kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận như sau:

Trần Đức Ph bắt đầu mua bán ma túy từ tháng 7/2017, nguồn ma túy do Ph mua của một người tên N (không rõ lai lịch), sau đó mang về chỗ ở chia nhỏ ra bán cho người khác. Bị cáo Trần Tiến Đ nhiều lần giúp Ph đi giao ma túy rồi nhận tiền về giao cho Ph, Đ và được Ph trả tiền công cũng như cho ma túy để sử dụng. Bị cáo Trần Tiến Đ còn nhờ Ph bảo lãnh mua từ đối tượng tên N 100g ma túy về để tại nhà của Ph nhằm bán lại, nhưng chưa kịp bán thị bị bắt.

Quá trình điều tra Ph và Đ khai thống nhất với nhau rằng Đ là người giúp Ph đi giao ma túy, sau đó Đ muốn trực tiếp mua bán ma túy nên nhờ Ph bảo lãnh cho Đ mua ma túy của đối tượng N. Số ma túy mà Đ nhờ Ph bảo lãnh là 100g ma túy đá, nhưng khi công an khám xét phòng trọ số 17, địa chỉ: 35 N, Phường 13, quận T thì có cả Ph và Đ tại đây và số ma túy bắt quả tang chỉ là 84,5702g loại Methamphetamine. Do đó Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ xem xét truy tố đối với bị cáo Ph và bị cáo Đ với khối lượng ma túy tại nhà của Ph chỉ 84,5702g loại Methamphetamine.Bị cáo Ph và bị cáo Đ đều thừa nhận số ma túy có ở nhà Ph là dùng để bán lại cho người khác, nhưng chưa bán thì bị Công an thu giữ nên Tòa án cáp sơ thẩm quy kết bị cáo Trần Tiến Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".Với khối lượng ma túy thu được là 84,5702g loại Methamphetamine nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo diểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có vai trò đồng phạm nhưng với mức độ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Ph là người rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác phạm tội; bị cáo Đ là người thực hiện hành vi mua bán chung với bị cáo Ph và bị cáo Ngh là người giúp sức cho bị cáo Ph trong việc đi giao ma túy cho người mua.

Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đến vai trò của bị cáo Trần Tiến Đ trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Đ được áp dụng xử phạt bị cáo Trần Tiến Đ 15 năm tù là tương

xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, mức án này không nặng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận cho nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng điểm a Khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tiến Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên bố bị cáo Trần Tiến Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Trần Tiến Đ 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày20/1/2018.

Xử phạt bổ sung: Buộc Trần Tiến Đ phải nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Tiến Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Minh **Phan Nhựt Bình** **Phạm Trí Tuấn**